

Bản án số: 74/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28-07-2026
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần văn Phương và ông Lê Bá Tự

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Đắk Lắk.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 54/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/07/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn tự nguyện quen biết với bị đơn từ trước năm 1999 nhưng chỉ lén lút qua lại không có kết hôn, đến năm 2013 thì chính thức kết hôn với bà Nguyễn Thị Bích L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (cũ) vào ngày 23/12/2013 số 45.

Trong thời gian sống chung với nhau đến năm 2021 thì gia đình xảy ra sự cố, ông H vì làm chăn nuôi vườn gà nên để điện giật chết người phải đi chấp hành án hình sự 04 năm, đến năm 2025 ông được đặc xá về nhà thì phát hiện bà L bỏ bê con trai là Nguyễn Văn L1 bị bệnh tâm thần, không ai chăm sóc phải gửi vào mái ấm tình thương rồi bỏ nhà đi làm ăn xa. Từ lúc ông H đi chấp hành án thì bà L có đi thăm nom 02 lần. Sau khi chấp hành án xong về nhà rồi cũng không qua lại thăm nom, chăm sóc, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, hai

bên đã sống ly thân một thời gian dài nên nguyên đơn yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Văn L1, sinh ngày 22/4/1999, hiện nay con đã trưởng thành nhưng bị khuyết tật tâm thần, đang nhận trợ cấp xã hội tại địa phương, nên ông H yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không trình bày ý kiến. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2026 bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1984 là em gái bà Nguyễn Thị Bích L trình bày: Ông H và bà L kết hôn hợp pháp, khi ông H ngồi tù bà L có đi thăm bình thường, nhưng khi ông H ra tù, bà L không có sống chung nữa mà bỏ đi làm ăn xa, hai người có 01 người con chung là Nguyễn Văn L1 đang sống chung với ông H. Bà L biết việc ông H xin ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn và nuôi 01 con chung; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng, riêng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, về quan hệ hôn nhân: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Văn H yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích L; Về con chung: đề nghị giao cháu Nguyễn Văn L1, sinh ngày 22/4/1999 cho ông H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi nên đề nghị không xét, bà L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá toàn diện chứng cứ được tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Văn H nộp đơn xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị Bích L có nơi cư trú tại thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Bích L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Văn H và bị đơn Nguyễn Thị Bích L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (cũ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/2013 ngày 23/12/2013. Đây là hôn nhân tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận là hợp pháp.

Ông H, bà L quen nhau từ năm 1997 nhưng không sống chung với nhau mà quan hệ qua lại nên có 01 người con chung là Nguyễn Văn H. Đến năm 2013 thì chính thức tự nguyện đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Vợ chồng sống đến năm 2021 ông H đi chấp hành án tại trại giam X, sau đó vợ chồng ông mất tình cảm sống ly thân cho đến nay. Lời khai ông H phù hợp với xác nhận của địa phương ngày 18/6/2026 và biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Bích T (em gái bà L) ngày 12/6/2026 là từ lúc ông H chấp hành án đến lúc thi hành xong năm 2025 giữa vợ chồng ông H bà L đã hết tình cảm sống ly thân không qua lại.

Như vậy, có cơ sở để thấy rằng giữa ông H, bà L hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp theo điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn H xin ly hôn bà Nguyễn Thị Bích L là có căn cứ nên được Tòa án chấp nhận

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn L1, sinh ngày 24/8/1999, hiện nay đã trưởng thành nhưng có khuyết tật nặng về tinh thần, dạng tật thần kinh tâm thần, đang nhận trợ cấp xã hội tại địa phương (theo xác nhận của địa phương ngày 22/6/2026 BL18). Xét ông H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với tình hình thực tế nên được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí được Tòa án chấp nhận nên được hoàn lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng.

[6] Xét các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với các quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn H được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị Bích L.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích L.

2. Về con chung: Giao 01 con chung Nguyễn Văn L1, sinh ngày 22/4/1999 cho nguyên đơn Nguyễn Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

4. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Văn H thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn án phí được Tòa án chấp nhận nên được hoàn lại 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005374, ngày 15/5/2026 tại Thi hành dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Phú Hòa 1
- “CNKH số 45 ngày 23/12/2013 của UBND xã Hòa Hội cũ”;
- VKSND Khu vực 13 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thu Hiền

